TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **199/2023/**HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Trần Thục Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Duy Bảo

2. Bà Đỗ Nguyễn Bích Mai

- *Thư ký phiên toà*: Ông Phan Văn Dần – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Phạm Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn 53/2023/ QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: 251 B H.V, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Minh T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: 251 B H.V, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 24 tháng 02 năm 2021 của bà Nguyễn Thị Ánh T1:

Bà T1 và ông Phan Minh T2 kết hôn với nhau từ năm 2003, thời gian đầu hạnh phúc, thời gian sau do ông T2 thường xuyên uống rượu dẫn đến không thể kiếm được việc làm theo ngành nghề được học vì vậy ông T2 đã thất trí lại càng uống rượu say sỉn nên hay kiếm chuyện chửi bà T1 có khi còn đánh bà và đánh cả con làm các con rất sợ khi ông T2 uống rượu, ngoài ra ông T2 còn có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy cả hai đã ly thân, mạnh ai nấy sống không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Hiện tình cảm không còn nên bà T1 yêu cầu được ly hôn ông T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Bà T1 và ông Phan Minh T2 có hai người con chung là Phan Quốc B sinh ngày 26/7/2004 (đã trưởng thành) và Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016. Nếu ly

hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con, việc cấp dưỡng hai bên tự giải quyết bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T1 xác định bà và ông Phan Minh T2 không tạo lập tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà T1 xác định bà và ông Phan Minh T2 không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào.

Bị đơn ông Phan Minh T2 trình bày theo bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2023: Xác định lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ánh T1 là đúng về việc kết hôn, con, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì theo ông vợ chồng ông chỉ có chút bất đồng.

Sau khi xem xét tài liệu chứng cứ tại hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày yêu cầu được ly hôn ông Phan Minh T2 để ổn định cuộc sống, được trực tiếp nuôi con Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không rõ ý kiến.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Cũng như phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 được ly hôn với ông Phan Minh T2. Giao con chung Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016 cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T1, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc "Ly hôn". Bị đơn Phan Minh T2 hiện đang cư trú tại Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 5 căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 sống chung từ năm 2003. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang . Giấy chứng nhận kết hôn số 494/2000, quyển số 02 cấp ngày 09 tháng 12 năm 2003, nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.

Xét tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 cho thấy:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T2 không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T2 không muốn ly hôn tuy nhiên khi Tòa cho về cố gắng sửa đổi để cải thiện cuộc sống hôn nhân nhưng ông T2 không cố gắng cứ để mọi việc y như cũ vẫn uống rượu, không chăm sóc con và cương quyết không lên Tòa điều đó chứng tỏ ông T2 không mong muốn tìm giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng.

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Xét mâu thuẫn giữa bà T1, ông T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà T1 được ly hôn với ông T2 như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 có hai người con chung: Phan Quốc B sinh ngày 26/7/2004 (đã trưởng thành) và Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016. Bà T1 có công việc lao động tự do mua bán đồ cỗ thu nhập bình quân mỗi tháng theo bà T1 trình bày từ hai mươi đến ba mươi triệu đồng đảm bảo điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung mặt khác từ trước đến nay bà T1 cũng là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, hai con, vì vậy xét thấy yêu cầu nuôi con chung Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016 của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

Việc cấp dưỡng do bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 cùng xác định không tạo lập tài sản chung nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 05/2012 /NQ-HĐTP ngày 03/12/2012;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Quốc K sinh ngày 21/9/2016 cho bà Nguyễn Thị Ánh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng do bà T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, ông Phan Minh T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom chăm sóc con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc xác định mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 cùng xác định không tạo lập tài sản chung nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 và ông Phan Minh T2 cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009544 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Ánh T1 đã nộp đủ tiền án phí.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trần Thục Oanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND.TP.HCM;
- VKS.TP.HCM;
- Viện KSND QUẬN 5.
- Chi cục THADS QUẬN 5.
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Huỳnh Trần Thục Oanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trần Thục Oanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Trần Thục Oanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Trần Thục Oanh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Quận 5;
- TAND TP. HCM;
- THADS Quận 5;
- UBND P6.Q5 (GCNKH số số 7/P6, QS: 01/2004 cấp ngày 09/02/2004)
- Các đương sự;
- Lưu HS , VP

Huỳnh Trần Thục Oanh